

Số: 70 /2005/QĐ-UBND

Phan Thiết, ngày 18 tháng 10 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP, ngày 31/07/1998 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới;

Căn cứ Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 11/01/2005 của Tỉnh ủy Bình Thuận về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm;

Thực hiện Kế hoạch số 867 KH/UBBT-SNV ngày 19/03/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc xây dựng và củng cố hệ thống Chính trị ở cơ sở năm 2004;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Bình Thuận tại tờ trình số 503/BC-CAT ngày 05/8/22005,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức hoạt động của Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Giám đốc Công an Tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an Tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./*etc*

Nơi nhận: *UW*

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản -Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Công an;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Thuận;
- TT.UBMTTQVN Tỉnh;
- Các Đoàn thể Tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Tỉnh;
- Như điều 4;
- Lưu VP.NC. Thuận100.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Huỳnh Tấn Thành

Chứng thực bản sao đúng với nguyên bản trong hồ sơ lưu trữ

Tài liệu được sao từ

Phòng: *UBND Tỉnh Bình Thuận*

Mục lục số: *02* Hồ sơ số: *728* Tờ số:

Số chứng thực: *17*



PHÓ GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]

Huỳnh Ninh Hòa

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 499/2005/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 10 năm 2005 của UBND tỉnh Bình Thuận).

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 1. Đội Dân phòng là tổ chức nòng cốt xung kích trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ra quyết định thành lập. Công an xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ công tác và chỉ huy trực tiếp trong hoạt động của Đội Dân phòng.

Điều 2. Đội Dân phòng có những nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức tuần tra, canh gác bảo vệ An ninh trật tự ở các khu dân cư, các mục tiêu quan trọng về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng nhằm phát hiện ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật, gây mất trật tự công cộng, vi phạm các chế độ, quy tắc, quy ước về bảo vệ an ninh trật tự của Nhà nước và Chính quyền địa phương thuộc phạm vi của xã, phường, thị trấn.

2. Phối hợp thực hiện các biện pháp về phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai, dịch bệnh:

a) Tuyên truyền nhân dân thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai và dịch bệnh.

b) Phối hợp với các lực lượng chuyên trách làm nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và các tai nạn, tệ nạn khác.

3. Vận động nhân dân thực hiện tốt Luật giao thông đường bộ, giữ gìn trật tự vệ sinh công cộng, không lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè.

4. Giám sát, theo dõi những đối tượng có biểu hiện hoạt động nghi vấn vi phạm pháp luật (kể cả các đối tượng từ nơi khác đến địa phương), kịp thời báo cáo Công an xã, phường, thị trấn có biện pháp ngăn chặn, không để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

5. Tham gia bảo vệ hiện trường các vụ việc xảy ra về an ninh trật tự, cấp cứu nạn nhân theo sự phân công của Công an xã, phường, thị trấn. Phối hợp bắt giữ người phạm tội quả tang, người bị truy nã đang lẩn tránh.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Công an, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giao.

Điều 3. Quyền hạn của Đội Dân phòng trong khi thực hiện nhiệm vụ:

1. Trong khi làm nhiệm vụ được quyền yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định, quy ước, nội quy về bảo vệ an ninh trật tự xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc những giấy tờ có giá trị chứng minh về nhân thân khác có liên quan. Trường hợp nghi vấn người có hành vi vi phạm pháp luật thì yêu cầu người đó về trụ sở Công an hoặc Ủy ban nhân dân xã để giải quyết.

2. Được bắt người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã và dẫn giải những người này đến giao cho Công an xã, phường, thị trấn để xem xét, xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật.

3. Được trang bị và sử dụng các loại công cụ hỗ trợ, các phương tiện nghiệp vụ trong khi thi hành nhiệm vụ theo quy định của Bộ Công an và hướng dẫn của Công an Tỉnh.

4. Được huy động người và phương tiện trong khi thi hành nhiệm vụ như: chữa cháy, nổ, phòng chống thiên tai, cấp cứu người bị nạn, truy bắt người phạm tội bỏ trốn theo lệnh truy nã hoặc khi có nguy cơ sự cố nguy hiểm xảy ra theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Trưởng Công an cấp xã.

5. Được kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở nhân dân trong khu vực quản lý thực hiện các quy định về bảo vệ an ninh trật tự.

Chương II
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC

Điều 4. Tổ chức Đội Dân phòng.

1. Tùy theo nhiệm vụ và điều kiện của địa phương mỗi khu phố, thôn được thành lập một Đội Dân phòng. Mỗi Đội Dân phòng từ 5 - 7 đội viên. Đội dân phòng có Đội trưởng và 01 Đội phó.

2. Đội trưởng:

a) Phó Trưởng thôn, khu phố phụ trách công tác an ninh trật tự trực tiếp làm Đội trưởng Đội dân phòng. Trường hợp Đội Dân phòng liên thôn, liên khu phố thì Đội trưởng do Trưởng Công an xã, phường, thị trấn lựa chọn giới thiệu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận Đội trưởng (đội dân phòng ở thôn, khu phố, liên thôn, liên khu phố).

b) Đội trưởng Đội Dân phòng chịu trách nhiệm trước Trưởng thôn, khu phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc tổ chức điều hành hoạt động

của đội, nắm vững tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự; thường xuyên báo cáo Ban điều hành thôn, khu phố và Ủy ban nhân dân, Công an xã, phường, thị trấn.

3. Đội phó: Do các đội viên trong đội chọn cử.

Đội phó Đội dân phòng giúp Đội trưởng theo dõi tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; thay mặt đội trưởng chủ trì các buổi họp đội, điều hành giải quyết công việc của đội khi đội trưởng đi vắng.

4. Đội viên dân phòng là người có độ tuổi từ 18 đến 45, cư trú hợp pháp thường xuyên trong khu vực thuộc xã, phường, thị trấn, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, tự nguyện tham gia công tác dân phòng và được nhân dân trong thôn, khu phố tín nhiệm.

Điều 5. Chế độ làm việc, quan hệ công tác của đội dân phòng

1. Đội dân phòng chịu sự chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và chịu sự quản lý, rèn luyện, hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ huy trực tiếp của Công an xã, phường, thị trấn và có sự phối hợp chặt chẽ với Trưởng thôn, khu phố trong thi hành nhiệm vụ. Công an xã, phường, thị trấn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Đội dân phòng trước Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Trong khi làm nhiệm vụ, Đội trưởng, Đội phó và các đội viên Đội dân phòng phải mặc đồng phục, đeo băng tên và mang giấy chứng nhận dân phòng theo quy định.

3. Quan hệ giữa Đội dân phòng và các tổ chức, đoàn thể quần chúng, lực lượng bảo vệ cơ quan, xí nghiệp trong khu vực là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở xã, phường, thị trấn.

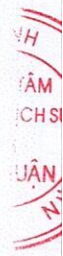
Điều 6. Kinh phí hoạt động.

1. Kinh phí hoạt động của Đội dân phòng được trích từ quỹ an ninh quốc phòng và sự tự nguyện đóng góp của nhân dân, của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn và được Nhà nước hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác theo quy định.

2. Việc sử dụng kinh phí cho hoạt động của đội dân phòng phải thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

**Chương III
CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, TRANG BỊ, TRANG PHỤC**

Điều 7. Chế độ, chính sách.



336

1. Đội trưởng, Đội phó và các Đội viên dân phòng được hưởng phụ cấp hàng tháng tùy theo kết quả đóng góp quỹ an ninh quốc phòng và sự tự nguyện đóng góp của các tổ chức, cá nhân ở địa phương. Được tạm miễn ngày công lao động công ích hàng năm và được tập huấn về nghiệp vụ, pháp luật cần thiết để đảm bảo yêu cầu công tác.

2. Đội trưởng, Đội phó và các Đội viên dân phòng được xét trợ cấp từ nguồn ngân sách địa phương khi ốm đau, khó khăn, tai nạn. Trong khi làm nhiệm vụ mà bị thương, bị chết thì được xét hưởng chính sách theo quy định chung của Nhà nước như đối với công an cấp xã theo Nghị định số 40/CP ngày 23/06/1999 của Chính phủ.

Điều 8. Trang bị công cụ hỗ trợ.

Tùy theo khả năng của mỗi địa phương Công an xã, phường, thị trấn tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trang bị công cụ hỗ trợ phù hợp, bảo đảm cho lực lượng dân phòng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận, bảng tên.

1. Áo quần, phù hiệu, mũ, số hiệu của đội dân phòng được thống nhất trong toàn tỉnh. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ vào ngân sách địa phương và kết quả thu quỹ an ninh quốc phòng để may trang phục cho lực lượng dân phòng theo các quy định sau đây:

a) Áo quần bằng vải Kaki màu xanh xám, áo may kiểu bu dông dài tay, có 2 túi có nắp trên trước ngực, trên vai có may bật vai.

b) Phù hiệu bằng vải, hình tròn, màu vàng, 2 bên có 2 cánh tùng màu vàng; chính giữa thêu 2 chữ "Dân phòng" màu đỏ; phía trên chữ dân phòng tên xã, phường, thị trấn; phía dưới chữ dân phòng tên thôn hoặc địa bàn khu vực, được may vào tay áo bên trái.

c) Mũ bảo hiểm loại nhỏ, màu đen (hoặc xanh), hai bên có chữ "Dân phòng" màu vàng, phía trước mũ có hai chữ dân phòng viết tắt là: "DP"; (hoặc mũ mềm may theo kiểu Công an xã, có phù hiệu dân phòng).

2. Giấy chứng nhận, bảng tên (số hiệu):

a) Mỗi Đội viên dân phòng được cấp 01 giấy chứng nhận và 01 bảng hiệu (số hiệu); Giấy chứng nhận dân phòng được làm bằng giấy cứng, khổ giấy 9cm x 7cm, màu xanh, chữ đen. Công an huyện, thành phố quy định nội dung giấy chứng nhận. Giấy chứng nhận dân phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp.

b) Bảng tên (số hiệu) màu trắng, chữ đen, bên trên tên đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý (Công an xã, phường, thị trấn...), phía dưới 3 chữ "Đội dân phòng", có ảnh, họ và tên, chức vụ...

c) Người đã được cấp giấy chứng nhận Dân phòng do điều chuyển công tác khác, hoặc bị kỷ luật, nghỉ,... không còn tham gia lực lượng Dân phòng nữa thì Trưởng Công an xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận Dân phòng, áo, quần và quản lý như quy định đối với Công an viên.

**Chương IV
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 10. Tập thể, đội viên dân phòng có thành tích xuất sắc trong công tác được xét khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 11. Tập thể, đội viên dân phòng có hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong khi làm nhiệm vụ để vụ lợi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các ngành, các địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Công an Tỉnh để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Handwritten signature of Huỳnh Tấn Thành

Huỳnh Tấn Thành